

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN
về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực có thế mạnh của huyện
theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/HU ngày 08-8-2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Quang lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Quang ban hành Nghị quyết về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực có thế mạnh của huyện theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021-2025, như sau:

I- THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CÓ THẾ MẠNH CỦA HUYỆN GIAI ĐOẠN 2015-2020

Bắc Quang là huyện có nhiều lợi thế về phát triển nông, lâm nghiệp. Trong những năm gần đây, sản xuất hàng hóa ngày càng phát triển, đã hình thành các vùng sản xuất tương đối tập trung. Để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và ổn định. Giai đoạn 2016-2020, huyện đã chỉ đạo ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HU ngày 11-10-2016 về phát triển sản xuất hàng hóa đối với các sản phẩm chủ lực có thế mạnh. Trong đó tập trung vào 05 sản phẩm chủ lực chính gồm: Sản phẩm cam, chè, lạc, gỗ nguyên liệu, chăn nuôi (trâu, lợn). Qua hơn 4 năm triển khai thực hiện, các vùng sản xuất chuyên canh cây trồng, vật nuôi chủ lực phát triển mạnh theo xu hướng sản xuất an toàn gắn với nhu cầu thị trường; người dân đã chú trọng đưa các cây, con giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; đồng thời đẩy mạnh đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao giá trị sản phẩm; các sản phẩm chủ lực của huyện như cam, chè, lạc, thịt lợn qua chế biến, đạt từ 3-4 sao khi tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); sản phẩm cam sành, chè shan tuyết được xây dựng và công nhận chỉ dẫn địa lý, dán tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ; các gia trại, trang trại chăn nuôi phát triển tập trung với quy mô vừa... Huyện không chỉ hỗ trợ về mặt chính sách mà các nông sản sau khi có nhãn hiệu được ngành Nông nghiệp tỉnh hỗ trợ kết nối, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc sản xuất các sản phẩm hàng hóa chủ lực của huyện vẫn còn tồn tại, hạn chế như: (i) Các sản phẩm chủ lực đã có quy hoạch, tuy nhiên việc chấp hành và tuân thủ theo quy hoạch chưa nghiêm túc; (ii) Chưa hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa tập trung

có sản lượng lớn, chất lượng, mẫu mã sản phẩm, khả năng cạnh tranh còn kém so với sản phẩm cùng loại trên thị trường; (iii) Mỗi liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. (iv) Việc thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, chế biến còn khó khăn; (v) Chưa tìm được thị trường tiêu thụ bền vững cho sản phẩm chủ lực của huyện, thị trường còn nhỏ, lẻ, bấp bênh.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Tập trung triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường theo chuỗi giá trị sản phẩm đối với một số sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu

- Phấn đấu đến năm 2025 có trên 50% các sản phẩm chủ lực được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn khác phù hợp với thị trường).

- Tập trung, ưu tiên phát triển 05 sản phẩm hàng hóa chủ lực có thế mạnh của huyện gồm: (i) Cây cam; (ii) Cây chè; (iii) Cây lạc; (iv) Lúa chất lượng cao; (v) Chăn nuôi trâu, bò.

- Hướng tới các sản phẩm đặc trưng của huyện xây dựng trở thành sản phẩm OCOP đạt tiêu chí từ 3 sao trở lên.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Nhiệm vụ chung

Tổ chức rà soát, xác định lại vùng sản xuất, quy mô, số lượng cho từng sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng đã được xác định phải phù hợp, thích ứng với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng vùng sản xuất và nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

Xây dựng các nhóm giải pháp về kỹ thuật canh tác, tiêu chuẩn sản xuất an toàn để nâng cao chất lượng, cải thiện mẫu mã cho từng sản phẩm.

Kết nối với các kênh bao tiêu sản phẩm uy tín, bền vững nhằm hỗ trợ thông tin về nhu cầu thị trường, xúc tiến thương mại giới thiệu cho người sản xuất tham gia cung ứng sản phẩm một cách ổn định.

Có cơ chế khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa chủ lực theo chuỗi giá trị. Liên kết được vùng sản xuất giữa xã với xã đối với các sản phẩm cùng loại.

1.2. Nhiệm vụ cụ thể

(1) Sản phẩm cam (Thực hiện theo Nghị quyết 04-NQ/HU ngày 26-02-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện)

(2) Sản phẩm Chè

- Tập trung cải tạo, đầu tư thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng, hình thành chuỗi giá trị liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ với diện tích 2.000 ha, năng suất chè búp tươi 60 tạ/ha tập trung ở 6 xã, thị trấn (Tiên Kiên, Hùng An, Tân Lập, Vĩnh Tuy, Tân Thành, Vĩnh Hảo) gắn với các cơ sở chế biến. Thực hiện cải tạo, đưa một số giống chè mới có năng suất và chất lượng vào trồng thay thế các diện tích chè già cỗi.

- Duy trì, bảo tồn 4 vùng sản xuất chè Shan tuyết tại 4 xã (Tân Thành, Đức Xuân, Tiên Kiên, Tân Lập) đã được cấp chỉ dẫn địa lý chè shan tuyết. Phân đấu có ít nhất 02 sản phẩm được công nhận OCOP đạt 3-5 sao cấp tỉnh.

(3) Sản phẩm Lạc

- Duy trì vùng trồng lạc tập trung tại 05 xã Vĩnh Phúc, Đồng Yên, Đồng Tâm, Liên Hiệp, Bằng Hành với tổng diện tích 1.500 ha (năng suất đạt 34 tạ/ha, sản lượng 5.100 tấn) có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng thương hiệu sản phẩm Dầu lạc huyện Bắc Quang, trong đó có củng cố, phát triển sản phẩm đã được công nhận OCOP, nâng sao các sản phẩm đã đạt OCOP và phát triển các sản phẩm mới đạt từ 4 sao trở lên.

(4) Sản phẩm lúa chất lượng cao

- Duy trì vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao với tổng diện tích 1.000 ha/năm, sản lượng 5.500 tấn; thực hiện cánh đồng mẫu gắn với đồn điền đổi thửa đưa cơ giới vào sản xuất tại các xã: Đồng Yên, Vĩnh Phúc, Quang Minh, Hùng An, Việt Vinh, Bằng Hành, Liên Hiệp, Hữu Sản. Nhân rộng mô hình mạ khay máy cấy.

- Xây dựng sản phẩm Cốm Bắc Quang trở thành sản phẩm OCOP đạt tiêu chí từ 3 sao trở lên, đồng thời phát triển một số giống lúa đặc sản địa phương (Nếp thơm Hữu Sản...). Quy hoạch, phát triển vùng nguyên liệu cho sản xuất cốm.

(5) Sản phẩm chăn nuôi (Trâu, bò)

Phát triển chăn nuôi trâu, bò hàng hóa gắn với trồng cỏ, trồng ngô sinh khối làm thức ăn cho gia súc ở các xã đông Sông Lô và một số xã (Việt Vinh, Quang Minh, Tân Lập). Phân đấu đến năm 2025 tại 12 xã có tổng đàn trâu, bò 16.500 con, sản lượng thịt hơi 521 tấn. Thực hiện thụ tinh nhân tạo cho đàn trâu; bình tuyển, chọn lọc đàn trâu cái để làm giống; phát triển trồng cỏ, ngô sinh khối để nuôi trâu, bò vỗ béo.

2. Giải pháp

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung về phát triển các sản phẩm hàng hóa, chủ lực có thế mạnh của huyện theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021-2025.

- Vận động người dân thay đổi phương thức sản xuất, tiếp cận về sản xuất hàng hóa theo tín hiệu thị trường; sản xuất theo yêu cầu của thị trường cần; sản xuất phải tuân thủ quy trình kỹ thuật để nâng cao chất lượng cải thiện mẫu mã sản phẩm.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn trong thực hiện nhiệm vụ về phát triển các sản phẩm hàng hóa, chủ lực có thế mạnh của huyện theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021-2025.

2.2. Công tác tuyên truyền

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch chi tiết và phân công nhiệm vụ cho các thành viên để đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền đến mọi tầng lớp nhân dân. Phổ biến nội dung, các chính sách về phát triển các sản phẩm hàng hóa, chủ lực có thế mạnh của huyện theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021-2025.

2.3. Về quy hoạch vùng phát triển sản xuất tập trung

Tổ chức đánh giá các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; trên cơ sở đó rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các sản phẩm chủ lực có thế mạnh phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội từng vùng từ đó phát triển theo quy mô lớn để tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao lợi nhuận và góp phần sử dụng có hiệu quả các nguồn lực về đất đai, lao động, khí hậu và bảo vệ môi trường. Quản lý thực hiện và tuân thủ đúng quy hoạch, định hướng của huyện theo vùng.

- Đẩy mạnh thực hiện các hình thức tích tụ, tập trung đất đai. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân chuyển đổi đất vườn, đồi và các loại đất khác sản xuất kém hiệu quả sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao hơn. Đồng thời có các biện pháp quản lý, xử lý nghiêm với những trường hợp sử dụng đất sai mục đích, làm ảnh hưởng đến quy hoạch.

2.4. Về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công tác khuyến nông

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật, nông nghiệp sản xuất theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sạch với quy mô hợp lý theo quy trình sản xuất VietGAP; hình thành các mô hình nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật, làm hạt nhân lan tỏa, thúc đẩy chuyển giao khoa học, công nghệ cho các vùng sản xuất thâm canh.

- Liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học có uy tín để sản xuất, tuyển chọn, lai tạo, thử nghiệm các giống có năng suất, chất lượng và khả năng kháng bệnh tốt, đồng thời phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục thực hiện chương trình thụ tinh nhân tạo cho đàn trâu. Áp dụng các biện pháp nuôi bán chăn thả, nuôi nhốt tại chuồng, phát triển trồng cỏ, trồng ngô sinh khối để nuôi trâu, bò vỗ béo.

- Rà soát, đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển các giống cỏ, giống ngô sinh khối hiện có nhằm lựa chọn các giống phù hợp. Đồng thời khảo nghiệm, lựa chọn đưa vào sản xuất các giống cỏ mới, giống ngô sinh khối có năng suất, hàm lượng dinh dưỡng cao.

- Xác định lực lượng khuyến nông là nòng cốt để chuyển giao kỹ thuật sản xuất, quy trình sản xuất an toàn cho người dân và các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của từng thị trường.

- Mở các lớp huấn luyện kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi cho nông dân, nông dân làm nòng cốt và tổ chức cho các hộ nông dân tham gia thực hiện các mô hình trình diễn kỹ thuật.

2.5. Về tổ chức liên kết, chế biến và tiêu thụ sản phẩm

- Tiếp tục vận dụng linh hoạt các chính sách thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất, bao tiêu, chế biến sản phẩm theo chuỗi giá trị. Ứng dụng khoa học công nghệ vào chế biến các sản phẩm hàng hóa chủ lực của huyện.

- Hình thành các vùng liên kết giữa các xã với xã đối với sản phẩm cùng loại thống nhất chung một quy trình sản xuất, tiêu chuẩn sản xuất, chất lượng sản phẩm, mẫu mã sản phẩm và có sản phẩm đủ lớn.

- Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm; có các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ sản phẩm nhằm đảm bảo lợi ích của người sản xuất. Duy trì, nâng cấp hệ thống chợ, đường giao thông trên địa bàn, để thuận tiện cho việc trao đổi, mua bán sản phẩm.

2.6. Về cơ chế chính sách

- Vận dụng, lồng ghép linh hoạt, có hiệu quả các nguồn vốn sự nghiệp, nguồn vốn các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn vốn bố trí thực hiện Nghị quyết số 88/2019/NQ-QH của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Triển khai áp dụng chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam sành theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang

theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chủ trương xã hội hóa đầu tư, huy động nguồn lực từ người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã thông qua các hoạt động liên kết sản xuất.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các chi, Đảng bộ trực thuộc, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân; kịp thời biểu dương, khen thưởng và nêu gương những tập thể, cá nhân có thành tích trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện cụ thể hóa Nghị quyết bằng các kế hoạch để tổ chức thực hiện. Định kỳ hàng năm sơ kết đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

3. Giao Hội đồng nhân dân, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra-Thanh tra huyện tăng cường giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

4. Văn phòng Huyện ủy chủ trì, phối hợp với các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy, các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

Nghị quyết này phổ biến đến các chi, đảng bộ và nhân dân trong toàn huyện thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đồng chí **Trần Quang Minh**, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,
- Thành viên Đoàn công tác số 11 (theo QĐ số 198-QĐ/TU của BTV Tỉnh ủy),
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn,
- Thường trực HĐND-UBND huyện,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ huyện,
- Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,
- Các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy,
- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy,
- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Huyện ủy,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ



Hà Việt Hưng